

Hải Phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ (SỐ TM 1202.3)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ Sản có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu dự kiến: Mua sắm Hóa chất của Bệnh viện Phụ Sản năm 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận nghiệp vụ Dược- Khoa Dược- Bệnh viện Phụ Sản (Số 19 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng)
Địa chỉ email: tmsduoc.bvps24@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 02 tháng 12 năm 2024 đến trước 17h ngày 16 tháng 12 năm 2024
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: (Phụ lục hàng hóa đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại bảng sau:

Yêu cầu về địa điểm cung cấp	- Khoa Dược – Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. - Địa chỉ: Số 19 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Yêu cầu vận chuyển	Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Yêu cầu về báo giá: Nhà thầu gửi Yêu cầu báo giá (01 bản) đầy đủ các thông tin hàng hóa.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không. *u*

Nơi nhận:

- Nơi kính gửi;
- Lưu: TMSKD.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

PGS.TS.BS *Vũ Văn Lâm*

PHỤ LỤC

STT	Tên hàng hoá hoặc tương đương	ĐVT	SL	Thông tin sản phẩm
1	ALT	Hộp	4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH $\geq$ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;
2	AST	Hộp	4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH $\geq$ 0.9 kU/L; MDH $\geq$ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;
3	GLUCOSE	Hộp	3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP $\geq$ 2,0 mmol/L, Hexokinase $\geq$ 0,59 kU/L, G6P-DH $\geq$ 1,58 kU/L
4	IRON	Hộp	1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Sắt ; dải đo: 2-179 μ mol/L ; phương pháp: TPTZ, bước sóng 600/800 nM. Thành phần: Glycine buffer (pH 1.7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4.7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine 0.5 mmol/L



5	TOTAL PROTEIN	Hộp	3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần ; dải đo: 30-120 g/L ; phương pháp: Biuret. Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L.
6	TRIGLYCERIDE	Hộp	1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 μ kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 μ kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 μ kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L);
7	Control Serum 1	Lọ	12	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.
8	Control Serum 2	Lọ	12	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật.
9	SYSTEM CALIBRATOR	Lọ	5	Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.